TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO **TÒA PHÚC THẨM** **TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 97/2025/HS-PT
Ngày 18 tháng 8 năm 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Tuyết Trinh

Các Thẩm phán: Bà Huỳnh Thanh Duyên

Ông Nguyễn Văn Tửu

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Tâm - Thư ký Tòa phúc thẩm Toà án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*:* Ông Đặng Quốc V - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số số 277/2025/TLPT-HS ngày 17 tháng 4 năm 2025 đối với bị cáo Nguyễn Thị O; Do có kháng cáo của các bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 16/2025/HS-ST ngày 13/3/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 190/2025/QĐXXPT-HS ngày 06 tháng 8 năm 2025, đối với:

- *Bị cáo bị kháng cáo:* **Nguyễn Thị O**, sinh ngày 28/3/1980 tại tỉnh Cà Mau; Nơi cư trú: Ấp Đ, xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau (nay là ấp Đ, xã P, tỉnh Cà Mau); Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; Giới tính: Nữ; Nghề nghiệp: Giáo viên; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông Nguyễn Thành T và bà Đỗ Thị R; Chồng: Dòng Minh K và có 02 người con; Tiền án, tiền sự: Không; Tạm giữ, tạm giam: Không; Bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 12/11/2024 cho đến nay (có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị O: Luật sư Nguyễn Văn S – Công ty L4 và Cộng sự thuộc Đoàn luật sư Thành phố H (có mặt).

- Bị hại có kháng cáo:

1. Bà Phạm Thị H, sinh năm 1984; nơi cư trú: Khóm A, thị trấn C, huyện C, tỉnh Cà Mau (nay là Khóm A, xã C, tỉnh Cà Mau) (vắng mặt);

Đại diện uỷ quyền của bà H: Phạm Trang N, sinh năm 1956; Trú tại Khóm A, thị trấn C, huyện C, tỉnh Cà Mau (nay là Khóm A, xã C, tỉnh Cà Mau) (có mặt).

2. Bà Ngô Thị K1, sinh năm 1979; Nơi cư trú: Ấp B, xã L, huyện C, tỉnh Cà Mau (nay là ấp B, xã L, tỉnh Cà Mau) (có mặt);

3. Bà Ngô Hồng D, sinh năm 1976; Nơi cư trú: Khóm C, thị trấn C, huyện C, tỉnh Cà Mau (nay là Khóm C, xã C, tỉnh Cà Mau) (vắng mặt);

Người đại diện theo ủy quyền của bà D: Ông Tô Văn C, sinh năm 1992; Hộ khẩu thường trú: ấp N, xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau (nay là ấp N, xã C, tỉnh Cà Mau) (có mặt).

4. Bà Huỳnh Phương T1, sinh năm 1982; Nơi cư trú: Khóm A, thị trấn C, huyện C, tỉnh Cà Mau (nay là Khóm A, xã C, tỉnh Cà Mau) (vắng mặt);

5. Bà Nguyễn Thị C1, sinh năm 1977; Nơi cư trú: Khóm A, thị trấn C, huyện C, tỉnh Cà Mau (nay là Khóm A, xã C, tỉnh Cà Mau) (vắng mặt);

6. Bà Phan Thu T2, sinh năm 1981; Nơi cư trú: Khóm A, thị trấn C, huyện C, tỉnh Cà Mau (nay là Khóm A, xã C, tỉnh Cà Mau) (vắng mặt);

7. Bà Nguyễn Hồng T3, sinh năm 1978; Nơi cư trú: Khóm A, thị trấn C, huyện C, tỉnh Cà Mau (nay là Khóm A, xã C, tỉnh Cà Mau) (vắng mặt);

8. Ông Lê Kim S1, sinh năm 1985; Nơi cư trú: Khóm C, thị trấn C, huyện C, tỉnh Cà Mau (nay là Khóm C, xã C, tỉnh Cà Mau) (vắng mặt);

9. Bà Mai Ngọc T4, sinh năm 1993; Nơi cư trú: Ấp L, xã H, huyện C, tỉnh Cà Mau (nay là ấp L, xã H, tỉnh Cà Mau) (vắng mặt);

10. Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1977; Nơi cư trú: Khóm C, thị trấn C, huyện C, tỉnh Cà Mau (nay là Khóm C, xã C, tỉnh Cà Mau) (có mặt);

11. Bà Nguyễn Thị T5, sinh năm 1966; Nơi cư trú: Khóm A, thị trấn C, huyện C, tỉnh Cà Mau (nay là Khóm A, xã C, tỉnh Cà Mau) (vắng mặt);

12. Bà Trần Kim N1, sinh năm 1997; Nơi cư trú: Khóm C, thị trấn C, huyện C, tỉnh Cà Mau (nay là Khóm C, xã C, tỉnh Cà Mau) (có mặt);

13. Bà Nguyễn Thị T6, sinh năm 1973; Nơi cư trú: Ấp Đ, xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau (nay là ấp Đ, xã P, tỉnh Cà Mau) (có mặt);

14. Bà Lý Thị D1, sinh năm 1966; Nơi cư trú: Ấp Đ, xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau (nay là ấp Đ, xã P, tỉnh Cà Mau) (vắng mặt);

15. Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1966; Nơi cư trú: Ấp V, xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau (nay là ấp V, xã P, tỉnh Cà Mau) (có mặt);

16. Bà Nguyễn Thị K2, sinh năm 1959; Nơi cư trú: Ấp V, xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau (nay là ấp V, xã P, tỉnh Cà Mau) (vắng mặt);

17. Bà Lương Thị B1, sinh năm 1964; nơi cư trú: Khóm A, thị trấn C, huyện C, tỉnh Cà Mau (nay là Khóm A, xã C, tỉnh Cà Mau) (có mặt);

Đại diện uỷ quyền của bà B1: Nguyễn Thanh P1, sinh năm 1991; Trú tại Khóm A, thị trấn C, huyện C, tỉnh Cà Mau (nay là khóm A, xã C, tỉnh Cà Mau) (vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Dòng Minh K, sinh năm 1979, nơi cư trú: Ấp Đ, xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau (nay là ấp Đ, xã P, tỉnh Cà Mau) (vắng mặt);

(Ngoài ra, trong vụ án còn có 28 người bị hại không có kháng cáo, không bị kháng nghị nên Tòa không triệu tập).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2007, Nguyễn Thị O bắt đầu làm chủ hụi tại thị trấn C, huyện C để hưởng tiền hoa hồng ở những kỳ khui hụi. Đến tháng 01 năm 2023 thì đình hụi, khi đình hụi còn 07 dây hụi chưa mãn. Quá trình làm chủ hụi, O đã thực hiện hành vi gian dối tự ý lấy tên hụi viên để hốt, đưa khống tên hụi viên tham gia để hốt hụi, bán chân hụi khống, đã đình hụi nhưng vẫn đi gom hụi chiếm đoạt tổng số tiền **2.470.970.000đ**, cụ thể:

Dây 1: Mở ngày 07/10/2019 (ngày 09/9/2019 âl), tổng số 40 chân có 27 hụi viên tham gia, O tham gia 02 chân, đã hốt 2 chân (kỳ 1, 2). Hụi khui được 39 kỳ, còn 01 kỳ; O tự ý bỏ thăm hốt **10** chân hụi từ kỳ 3 đến kỳ 12 chiếm đoạt **527.250.000**đ.

** Hụi viên chưa hốt hụi có yêu cầu:* Lương Thị B1, Phạm Thị H, Phan Thu T2, Lê Kim S1, Lâm Diễm P2 mỗi người tham gia 01 chân, thực đóng 54.245.000đ; Ngô Hồng D, Lê Kiều H1, Phạm Thu H2 mỗi người tham gia 01 chân, thực đóng 52.595.000đ; Nguyễn Thị T5 tham gia 02 chân, thực đóng 105.190.000đ.

Dây 2: Mở ngày 11/5/2020 (ngày 19/4/2020 âl), tổng số 30 chân có 8 hụi viên tham gia, Hụi khui được 29 kỳ, còn 01 kỳ; O tham gia 01 chân, đã hốt ở kỳ 1; O đưa 12 tên hụi viên khống tham gia 17 chân hụi khống vào danh sách hụi. O lấy 12 tên hụi khống hốt **17** chân hụi từ kỳ thứ 2 đến kỳ 18 được 291.600.000đ.

Tuy nhiên, khi có 5 hụi viên hốt 8 chân hụi O đã đóng đầy đủ 17 chân hụi khống là 272.000.000đ để giao hụi cho hụi viên đầy đủ số chân hụi. Như vậy O chiếm đoạt là **19.600.000đ** *(291.600.000đ - 272.000.000đ)*.

Ngoài ra O tự ý bỏ thăm hốt **03** chân hụi ở kỳ 19, 20, 21 chiếm đoạt **51.840.000**đ; bán **01** chân hụi khống cho bà Tô Hồng Ú chiếm đoạt **53.060.000đ**; Đã đình hụi nhưng O vẫn thu của bà Tô Hồng Ú **04** kỳ hụi sống chiếm đoạt **6.000.000đ**. Tổng số tiền O chiếm đoạt ở dây hụi này là **130.500.000đ**.

** Hụi viên chưa hốt hụi có yêu cầu:* Bùi Thị H3, Tô Hồng Ú, Nguyễn Thị T5, Nguyễn Thị M mỗi người tham gia 01 chân, thực đóng 41.890.000đ.

Dây 3: Mở ngày 17/10/2020 (ngày 01/9/2020 âl), tổng số 35 chân có 20 hụi viên tham gia, O tham gia 01 chân, tên hụi "O", đã hốt kỳ 1; đưa 7 tên hụi viên khống tham gia 11 chân hụi khống vào danh sách hụi. Dây hụi này đã khui được 27 kỳ, còn 08 kỳ chưa khui; O lấy 7 tên hụi khống bỏ hốt **11** chân hụi khống từ kỳ 2 đến kỳ 12, được 329.840.000đ. Tuy nhiên, khi có 7 hụi viên hốt 8 chân hụi O đã đóng lại 11 chân hụi khống = 176.000.000đ để giao đủ số chân hụi cho hụi viên vì vậy O chiếm đoạt là **153.840.000đ** *(329.840.000đ - 176.000.000đ)*.

Ngoài ra, O còn tự ý lấy tên hụi viên hốt **07** chân hụi của hụi viên từ kỳ 13 đến kỳ 19 chiếm đoạt **208.700.000đ**. Đồng thời, O còn bán **02** chân hụi khống cho bà Lương Thị B1 chiếm đoạt **96.100.000đ** và bán **01** chân hụi khống cho bà Bùi Thị H3 chiếm đoạt **44.600.000đ**. Tổng số tiền O chiếm đoạt ở dây hụi này là **503.240.000**đ.

** Hụi viên chưa hốt hụi có yêu cầu:* Phạm Thị H, Nguyễn Thành N2, Nguyễn Thị B, Nguyễn Thị P mỗi người tham gia 01 chân, thực đóng 36.970.000đ; Bùi Thị H3, Võ Thị T7 mỗi người tham gia 01 chân, thực đóng 32.790.000đ; Phan Thu T2, Phạm Thu H2, Phạm Thị T8 mỗi người tham gia 01 chân, thực đóng 35.570.000đ; Đoàn Như Ý tham gia 02 chân, thực đóng 73.940.000đ; Nguyễn Hồng T3 tham gia 03 chân, thực đóng 110.910.000đ.

Dây 4: Mở ngày 28/6/2021 (ngày 19/4/2021 âl), tổng số có 33 chân có 14 hụi viên tham gia, O tham gia 01 chân, đã hốt ở kỳ 1; O đưa 10 tên hụi viên khống tham gia 16 chân hụi khống vào dây hụi. Dây hụi này đã khui được 19 kỳ, còn 14 kỳ chưa khui; O lấy 8 tên hụi khống hốt **14** chân hụi được 283.590.000đ. Tuy nhiên khi có 3 hụi viên hốt 4 chân hụi O đã đóng đầy đủ 16 chân hụi khống để giao cho hụi viên đủ số chân hụi số tiền là 123.300.000đ, như vậy O chiếm đoạt **160.290.000đ** (283.590.000đ - 123.300.000đ). Ngoài ra khi đã đình hụi O vẫn thu thêm **01** kỳ hụi sống của bà Tôn Hà N3 chiếm đoạt **1.400.000đ**. Tổng số tiền O chiếm đoạt ở dây hụi này là **161.690.000đ.**

**Hụi viên chưa hốt hụi có yêu cầu:* Ngô Thị K1, Nguyễn Thị B, Tô Hồng Ú mỗi người tham gia 01 chân, thực đóng 26.310.000đ; Tôn Hà N3 tham gia 01 chân, thực đóng 27.710.000đ; Trần Kim N1, Hồ Kim N4, Nguyễn Thị T6, Nguyễn Thị P, Nguyễn Thị K2 mỗi người tham gia 01 chân, thực đóng 23.580.000đ; Lý Thị D1 tham gia 02 chân, thực đóng 47.160.000đ.

Dây 5: Mở ngày 03/01/2022 (ngày 01/12/2021 âl), tổng số 30 chân có 21 hụi viên tham gia, O tham gia 01 chân, đã hốt kỳ 1. Dây hụi đã khui được 12 kỳ, còn 18 kỳ chưa khui O tự ý bỏ thăm hốt **08** chân hụi từ kỳ 2 đến kỳ 9 chiếm đoạt **307.690.000đ**, O bán **01** chân hụi khống cho bà Bùi Thị H3, chiếm đoạt **53.900.000đ**. Tổng số tiền chiếm đoạt ở dây hụi này là **361.590.000đ**.

** Hụi viên chưa hốt hụi có yêu cầu:* Bùi Thị H3, Huỳnh Phương T1, Nguyễn Thị C1, Bùi Minh L, Mai Ngọc T4, Tô Hồng Ú, Võ Thị T7, Trần Kỳ T9, L1 Diễm Phúc mỗi người tham gia 01 chân, thực đóng 16.080.000đ; Phạm Ngọc Đ tham gia 01 chân, thực đóng 17.400.000đ; Lưu Thị M1, Lý Thị D1 mỗi người tham gia

02 chân, thực đóng 32.160.000đ; Trần Thị X tham gia 03 chân, thực đóng 48.240.000đ; Nguyễn Thị T5 tham gia 04 chân, thực đóng 64.320.000đ.

Dây 6: Mở ngày 01/5/2022 (ngày 01/4/2022 âl), tổng số 30 chân có 19 hụi viên tham gia, O không tham gia. Dây hụi này đã khui được 08 kỳ, còn 22 kỳ chưa khui. O tự ý bỏ thăm hốt **07** chân hụi từ kỳ 1 đến kỳ 7 chiếm đoạt **296.100.000đ**, bán **01** chân hụi khống cho bà Huỳnh Phương T1, chiếm đoạt **38.100.000đ**. Tổng số tiền chiếm đoạt **334.200.000đ**.

** Hụi viên chưa hốt hụi có yêu cầu:* Phạm Thu H2 tham gia 01 chân, thực đóng 9.870.000đ; Huỳnh Phương T1, Bùi Minh L, Nguyễn Thành N2, Nguyễn Hồng T3, Phan Hồng K3, Thái Văn T10, Phạm Thị M2, Lưu Thị M1, Trần Kim N1, Trần Thị N5, Lý Thị D1, Nguyễn Thị K2 mỗi người tham gia 01 chân, thực đóng 11.290.000đ; Nguyễn Thị B, Thang Hoàng N6, Nguyễn Thị P mỗi người tham gia 02 chân, thực đóng 22.580.000đ; Trần Thị X tham gia 05 chân, thực đóng 56.450.000đ.

Dây hụi số 7: Mở ngày 04/9/2022 (ngày 09/8/2022 âl), tổng số 35 chân có 21 hụi viên tham gia, đã khui được 04 kỳ (O hốt hết 4 kỳ), còn 31 kỳ chưa khui; O tham gia 02 chân, đã hốt ở kỳ 1, 2; đưa 01 tên hụi viên khống tham gia 02 chân vào danh sách hụi. O lấy tên hụi khống hốt **02** chân hụi ở kỳ 3 và 4, chiếm đoạt **86.250.000đ**.

**Hụi viên chưa hốt hụi có yêu cầu:* Phạm Thu H2 tham gia 01 chân, thực đóng 4.130.000đ; Lương Thị B1, Nguyễn Thị C1, Lê Kim S1, Phạm Thị M2, Nguyễn Diệt T11, Nguyễn Kiều T12, Nguyễn Thị M, Trần Kim N1, Hồ Kim N4, Trương Kiều D2 mỗi người tham gia 01 chân, thực đóng 5.610.000đ; Đặng Kim T13, Trần Minh L2, Nguyễn Thị K2 mỗi người tham gia 02 chân, thực đóng 11.220.000đ; Lý Kim T14, Nguyễn Thị P mỗi người tham gia 03 chân, thực đóng 16.830.000đ; Nguyễn Thị T5 tham gia 05 chân, thực đóng 28.050.000đ.

Ngoài ra, O còn bán 03 chân hụi khống chiếm đoạt **163.800.000đ** và không mở hụi nhưng nói hụi viên có dây hụi ngày để thu tiền hụi của 2 hụi viên chiếm đoạt **202.450.000đ**, tổng số tiền chiếm đoạt **366.250.000đ,** cụ thể **:**

- Ngày 06/4/2022 âl và ngày 28/5/2022 âl bán cho bà Lương Thị B1 **02** chân hụi khống, chiếm đoạt 107.400.000đ, trả lãi cho bà B1 10.890.000đ.

- Ngày 07/7/2022 âl, bán cho bà Bùi Thị H3 **01** chân hụi khống, chiếm đoạt 56.400.000đ và gom hụi khống bà H3 **10** kỳ hụi, chiếm đoạt 14.950.000đ, trả lãi cho H3 4.450.000đ.

- Ngày 08/9/2022 âl và ngày 27/9/2022 âl thu của bà Huỳnh Phương T1 **30** chân (hụi 100.000đ/ngày) chiếm đoạt 187.500.000đ.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 16/2025/HS-ST ngày 13/3/2025, Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau, đã quyết định:

1. Trách nhiệm hình sự.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s, v, q khoản 1 và khoản 2 Điều

51; khoản 1 Điều 54; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thị O phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Tuyên phạt: Bị cáo Nguyễn Thị O 10 (mười) năm tù; thời hạn chấp hành án phạt tù được tính kể từ ngày bị cáo chấp hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự; Khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điểm a, f khoản 1 Điều 23 - Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Thị O có nghĩa vụ hoàn trả cho các bị hại, cụ thể:

01. Bà Phạm Thị H số tiền 91.251.000 đồng.

02. Bà Ngô Thị K1 số tiền 26.310.000 đồng.

03. Bà Ngô Hồng D số tiền 52.595.000 đồng.

04. Bà Huỳnh Phương T1 số tiền 234.150.000 đồng.

05. Bà Nguyễn Thị C1 số tiền 21.690.000 đồng.

06. Ông Bùi Minh L số tiền 24.670.000 đồng.

07. Ông Nguyễn Thành N2 số tiền 48.260.000 đồng.

08. Bà Đoàn Như Ý số tiền 73.940.000 đồng.

09. Bà Phan Thu T2 số tiền 89.815.000 đồng.

10. Bà Nguyễn Hồng T3 số tiền 122.200.000 đồng.

11. Bà Phạm Ngọc Đ số tiền 17.400.000 đồng.

12. Ông Phan Hồng K3 số tiền 11.290.000 đồng.

13. Ông Lê Kim S1 số tiền 59.855.000 đồng.

14. Bà Mai Ngọc T4 số tiền 16.080.000 đồng.

15. Bà Nguyễn Thị B số tiền 85.860.000 đồng.

16. Ông Thang Hoàng N6 số tiền 22.580.000 đồng.

17. Bà Tô Hồng Ú số tiền 96.920.000 đồng.

18. Bà Võ Thị T7 số tiền 48.870.000 đồng.

19. Ông Thái Văn Trị S2 tiền 11.290.000 đồng.

20. Bà Lý Kim T14 số tiền 16.830.000 đồng.

21. Bà Nguyễn Thị T5 số tiền 239.450.000 đồng.

22. Bà Lê Kiều H1 số tiền 52.595.000 đồng.

23. Bà Phạm Thị M2 số tiền 16.900.000 đồng.

24. Bà Phạm Thu H2 số tiền 102.165.000 đồng.

25. Bà Phạm Thị T8 số tiền 35.570.000 đồng.

26. Ông Trần Kỳ T9 số tiền 16.080.000 đồng.

27. Ông Nguyễn Diệt T11 số tiền 5.610.000 đồng.

28. Bà Tôn Hà N3 số tiền 12.710.000 đồng.

29. Bà Lưu Thị M1 số tiền 43.450.000 đồng.

30. Bà Trần Thị X số tiền 62.690.000 đồng.

31. Bà Nguyễn Kiều T12 số tiền 5.610.000 đồng.

32. Bà Lâm Diễm P2 số tiền 70.325.000 đồng.

33. Bà Nguyễn Thị M số tiền 39.500.000 đồng.

34. Bà Trần Kim N1 số tiền 40.480.000 đồng.

35. Bà Hồ Kim N4 số tiền 12.190.000 đồng.

36. Bà Đặng Kim T13 số tiền 11.220.000 đồng.

37. Bà Nguyễn Thị T6 số tiền 23.580.000 đồng.

38. Bà Trần Thị N5 số tiền 11.290.000 đồng.

39. Ông Trần Minh L2 số tiền 11.220.000 đồng.

40. Bà Lý Thị D1 số tiền 90.610.000 đồng.

41. Bà Nguyễn Thị P số tiền 99.960.000 đồng.

42. Bà Nguyễn Thị K2 số tiền 46.090.000 đồng.

43. Bà Trương Kiều D2 số tiền 5.610.000 đồng.

44. Bà Lương Thị B1 số tiền 82.865.000 đồng.

45. Bà Bùi Thị H3 số tiền 224.660.000 đồng.

Công an tỉnh C đang quản lý 250.000.000 đồng tiền do Nguyễn Thị O nộp, Công an tỉnh C giao lại cho Cơ quan Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau để thi hành án phần nghĩa vụ dân sự của bị cáo Nguyễn Thị O trong bản án theo quy định của Luật Thi hành án dân sự.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 24/3/2025, bị hại là bà Lương Thị B1 kháng cáo yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 375.225.000 đồng cho bà B1.

Ngày 26, 27, 28/3/2025, các bị hại gồm Phạm Thị H, Ngô Thị K1, Ngô Hồng D, Huỳnh Phương T1, Nguyễn Thị C1, Phan Thu T2, Nguyễn Hồng T3, Lê Kim S1, Mai Ngọc T4, Nguyễn Thị B, Nguyễn Thị T5, Trần Kim N1, Nguyễn Thị T6, Lý Thị D1, Nguyễn Thị P, Nguyễn Thị K2 kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, tăng hình phạt đối với bị cáo O; buộc ông Dòng Minh K liên đới cùng bị

cáo bồi thường cho các bị hại với tổng số tiền 2.470.000.000 đồng; yêu cầu xác minh làm rõ thông tin về chiếc ô tô tải của bị cáo O và số tiền khi đình hụi nhưng bị cáo vẫn thu hụi chết.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo Nguyễn Thị O đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của các bị hại, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Các bị hại đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm, tăng hình phạt đối với bị cáo O và buộc ông Dòng Minh K liên đới cùng bị cáo bồi thường cho các bị hại với tổng số tiền 2.470.000.000 đồng.

Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của các bị hại, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị O đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của các bị hại, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong quá trình điều tra, truy tố Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

Đơn kháng cáo của các ông bà gồm Lương Thị B1, Phạm Thị H, Ngô Thị K1, Ngô Hồng D, Huỳnh Phương T1, Nguyễn Thị C1, Phan Thu T2, Nguyễn Hồng T3, Lê Kim S1, Mai Ngọc T4, Nguyễn Thị B, Nguyễn Thị T5, Trần Kim N1, Nguyễn Thị T6, Lý Thị D1, Nguyễn Thị P, Nguyễn Thị Kim L3 trong hạn luật định và hợp lệ nên được xem xét tại cấp phúc thẩm theo quy định tại Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Thị O đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của các bị hại, cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, nên có cơ sở xác định:

Khoảng năm 2007, bị cáo O lập nhiều dây hụi, làm chủ nhiều dây hụi để hưởng tiền hoa hồng ở các kỳ khui hụi. Lơi dụng việc làm chủ nhiều dây hụi; nhiều hụi viên không đi khui hụi, từ cuối năm 2019 đến cuối năm 2022âl, bị cáo giả danh hụi viên bỏ thăm hốt 35 chân hụi chiếm đoạt 1.391.580.000đồng, đưa tên hụi viên khống vào tham gia hốt 44 chân hụi chiếm đoạt 419.980.000đồng, bán 09 chân hụi khống chiếm đoạt 449.560.000đồng, hụi đã ngưng nhưng vẫn thu gom hụi và mở hụi khống chiếm đoạt của 45 chân số tiền 209.850.000đồng; tổng số tiền bị cáo chiếm đoạt của các hụi viên là 2.470.970.000đồng.

Với hành vi và hậu quả nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên xử bị cáo Nguyễn Thị O phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng, nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Bị cáo nhận thức rõ việc dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài của bị hại là vi phạm pháp luật nhưng vì lòng tham muốn có tiền tiêu xài cá nhân và trả nợ vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội, chiếm đoạt số tiền đặt biệt lớn của rất nhiều người bị hại. Do đó, cần phải xử các bị cáo mức án thật nghiêm để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung cho xã hội.

Khi lượng hình Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, cụ thể: Bị cáo phạm tội thuộc trường hợp "*phạm tội 02 lần trở lên*"; Sau khi phạm tội bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu; bị cáo đã khắc phục một phần hậu quả cho các bị hại, được các bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; Quá trình công tác bị cáo có nhiều thành tích xuất sắc được tặng thưởng danh hiệu chiến sỹ thi đua nhiều năm liền và được Chứng nhận là giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh; Sau khi bị khởi tố, điều tra bị cáo bị bệnh làm hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi, các tình tiết này được quy định tại điểm b, v, s, q khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự để tuyên xử bị cáo mức án 10 năm tù là tương xứng với tính chất hành vi phạm tội và hậu quả do bị cáo gây ra. Do đó, các bị hại kháng cáo yêu cầu tăng hình phạt đối với bị cáo là không có cơ sở chấp nhận.

[4] Về trách nhiệm dân sự:

[4.1] Theo kết quả điều tra xác định ông Dòng Minh K (là chồng của bị cáo O) có biết việc bị cáo O là chủ hụi; Tuy nhiên, ông K không hề biết việc bị cáo thực hiện hành vi gian dối chiếm đoạt tiền của các hụi viên; không tham gia cùng bị cáo O để chiếm đoạt tài sản của các bị hại và cũng không có căn cứ chứng minh ông K có sử dụng tài sản do bị cáo O chiếm đoạt của các bị hại nên ông K không có nghĩa vụ cùng bị cáo hoàn trả tiền chiếm đoạt cho các bị hại. Do đó, các bị hại kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm buộc ông Dòng Minh K liên đới cùng bị cáo bồi thường cho các bị hại với tổng số tiền 2.470.000.000 đồng là không có căn cứ chấp nhận.

[4.2] Đối với kháng cáo yêu cầu Tòa án xác minh làm rõ tài sản là chiếc xe ô tô tải của bị cáo O để bảo đảm cho việc thi hành án phần trách nhiệm dân sự. Thấy rằng, theo quy định của Luật thi hành án thì người được thi hành án có quyền tự mình hoặc ủy quyền cho người khác xác minh điều kiện thi hành án; cung cấp thông tin về tài sản, thu nhập, điều kiện thi hành án của người phải thi hành án cho cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xem xét giải quyết theo quy định của Luật thi hành án dân sự. Theo đó, trách nhiệm xác minh tài sản thi hành án thuộc về cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền, nên các bị hại yêu cầu Tòa án xác minh làm rõ chiếc xe ô tô để đảm bảo cho thi hành án là không có cơ cở chấp nhận.

[4.3] Đối với kháng cáo của các bị hại cho rằng sau khi đình hụi bị cáo vẫn tiếp tục thu hụi chết của các hụi viên nên đề nghị làm rõ bị cáo thu hụi của ai và

thu bao nhiêu; thấy rằng: Quá trình điều tra các bị hại và bị cáo đã đối chiếu thống nhất về số tiền bị cáo đã chiếm đoạt; cụ thể theo Kết luật điều tra và Cáo trạng đã nêu rõ "hụi đã ngưng nhưng bị cáo vẫn thu gom hụi và mở hụi khống chiếm đoạt của 45 chân với số tiền 209.850.000đồng". Do đó, kháng cáo nêu trên của các bị hại yêu cầu làm rõ việc bị cáo thu hụi của ai và thu bao nhiêu là không cần thiết, không có cơ sở chấp nhận.

[4.4] Đối với kháng cáo của bà Lương Thị B1 cho rằng bị cáo chiếm đoạt tổng cộng của bà B1 là 515.225.000 đồng, đã khắc phục 140.000.000 đồng, còn lại 375.225.000 đồng nhưng Tòa án cấp sơ thẩm tuyên buộc bị cáo trả cho bà B1 số tiền 82.865.000 đồng là không đúng và yêu cầu bị cáo O bồi thường cho bà B1 số tiền 375.225.000 đồng; Xét thấy:

Tại bảng đối chiếu hụi giữa bà Lương Thị B1 với bị cáo O thể hiện tổng bị cáo O nhận hụi tháng + bán hụi khống cho bà B1 là 263.355.000 đồng; Bị cáo O đã khắc phục cho bà B1 140.000.000 đồng + 40.490.000 bị cáo O trả hụi cho bà B1; Ngoài ra, bị cáo O còn hốt 55 chân hụi ngày (100.000 đồng/chân) của bà B1, có giấy biên nhận tiền kèm theo, đóng lại hụi hàng ngày cho bà B1 (O đóng 5.500.000đ/ngày).

Tại biên bản phiên tòa sơ thẩm đại diện ủy quyền của bà B1 là bà Nguyễn Thanh P1 thừa nhận bà B1 tham gia 01 chân của dây 1 thực đóng 54.245.000; dây 7 tham gia 01 chân thực đóng 5.610.000 đồng; mua 01 chân hụi khống 203.500.000 đồng; tổng số tiền thực đóng là 263.355.000 đồng; đối trừ nhận lãi hụi khống 40.490.000 đồng; bị cáo khắc phục 140.000.000; còn lại 82.865.000 đồng.

Mặt khác, quá trình giải quyết vụ án bà B1 không có khiếu nại gì đối với kết luận điều tra và cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau về số tiền bị cáo chiếm đoạt của bà Bắc.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ và bảng đối chiếu tiền hụi giữa bị cáo O với bà B1, lời trình bày của bà B1 (do bà Nguyễn Thanh P1 đại diện) ở phiên tòa sơ thẩm để tuyên buộc bị cáo O trả số tiền 82.865.000 đồng còn lại cho bà B1 là đúng quy định của pháp luật. Bà B1 kháng cáo yêu cầu bị cáo O trả số tiền 375.225.000 đồng cho bà B1 trong vụ án này là không có cơ sở chấp nhận.

[5] Từ những phân tích và nhận định nêu trên; Hội đồng xét xử thống nhất với quan điểm của đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm, không chấp nhận kháng cáo của các bị hại gồm bà Lương Thị B1, Phạm Thị H, Ngô Thị K1, Ngô Hồng D, Huỳnh Phương T1, Nguyễn Thị C1, Phan Thu T2, Nguyễn Hồng T3, Lê Kim S1, Mai Ngọc T4, Nguyễn Thị B, Nguyễn Thị T5, Trần Kim N1, Nguyễn Thị T6, Lý Thị D1, Nguyễn Thị P, Nguyễn Thị K2; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[6] Do kháng cáo không được chấp nhận nên các bị hại phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Riêng bà Lương Thị B1 và bà Nguyễn Thị K2 là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về xử lý vật chứng không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

1. Không chấp nhận kháng cáo của các bị hại gồm Phạm Thị H, Ngô Thị K1, Ngô Hồng D, Huỳnh Phương T1, Nguyễn Thị C1, Phan Thu T2, Nguyễn Hồng T3, Lê Kim S1, Mai Ngọc T4, Nguyễn Thị B, Nguyễn Thị T5, Trần Kim N1, Nguyễn Thị T6, Lý Thị D1, Nguyễn Thị P, Nguyễn Thị K2; Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 16/2025/HS-ST ngày 13 tháng 3 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

2. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s, v, q khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thị O phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Tuyên phạt: Bị cáo Nguyễn Thị O 10 (mười) năm tù**;** thời hạn chấp hành án phạt tù được tính kể từ ngày bị cáo chấp hành án.

3. Căn cứ khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; Khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Thị O có nghĩa vụ hoàn trả cho các bị hại, cụ thể:

01. Bà Phạm Thị H số tiền 91.251.000 đồng.

02. Bà Ngô Thị K1 số tiền 26.310.000 đồng.

03. Bà Ngô Hồng D số tiền 52.595.000 đồng.

04. Bà Huỳnh Phương T1 số tiền 234.150.000 đồng.

05. Bà Nguyễn Thị C1 số tiền 21.690.000 đồng.

06. Ông Bùi Minh L số tiền 24.670.000 đồng.

07. Ông Nguyễn Thành N2 số tiền 48.260.000 đồng.

08. Bà Đoàn Như Ý số tiền 73.940.000 đồng.

09. Bà Phan Thu T2 số tiền 89.815.000 đồng.

10. Bà Nguyễn Hồng T3 số tiền 122.200.000 đồng.

11. Bà Phạm Ngọc Đ số tiền 17.400.000 đồng.

12. Ông Phan Hồng K3 số tiền 11.290.000 đồng.

13. Ông Lê Kim S1 số tiền 59.855.000 đồng.

14. Bà Mai Ngọc T4 số tiền 16.080.000 đồng.

15. Bà Nguyễn Thị B số tiền 85.860.000 đồng.

16. Ông Thang Hoàng N6 số tiền 22.580.000 đồng.

17. Bà Tô Hồng Ú số tiền 96.920.000 đồng.

18. Bà Võ Thị T7 số tiền 48.870.000 đồng.

19. Ông Thái Văn Trị S2 tiền 11.290.000 đồng.

20. Bà Lý Kim T14 số tiền 16.830.000 đồng.

21. Bà Nguyễn Thị T5 số tiền 239.450.000 đồng.

22. Bà Lê Kiều H1 số tiền 52.595.000 đồng.

23. Bà Phạm Thị M2 số tiền 16.900.000 đồng.

24. Bà Phạm Thu H2 số tiền 102.165.000 đồng.

25. Bà Phạm Thị T8 số tiền 35.570.000 đồng.

26. Ông Trần Kỳ T9 số tiền 16.080.000 đồng.

27. Ông Nguyễn Diệt T11 số tiền 5.610.000 đồng.

28. Bà Tôn Hà N3 số tiền 12.710.000 đồng.

29. Bà Lưu Thị M1 số tiền 43.450.000 đồng.

30. Bà Trần Thị X số tiền 62.690.000 đồng.

31. Bà Nguyễn Kiều T12 số tiền 5.610.000 đồng.

32. Bà Lâm Diễm P2 số tiền 70.325.000 đồng.

33. Bà Nguyễn Thị M số tiền 39.500.000 đồng.

34. Bà Trần Kim N1 số tiền 40.480.000 đồng.

35. Bà Hồ Kim N4 số tiền 12.190.000 đồng.

36. Bà Đặng Kim T13 số tiền 11.220.000 đồng.

37. Bà Nguyễn Thị T6 số tiền 23.580.000 đồng.

38. Bà Trần Thị N5 số tiền 11.290.000 đồng.

39. Ông Trần Minh L2 số tiền 11.220.000 đồng.

40. Bà Lý Thị D1 số tiền 90.610.000 đồng.

41. Bà Nguyễn Thị P số tiền 99.960.000 đồng.

42. Bà Nguyễn Thị K2 số tiền 46.090.000 đồng.

43. Bà Trương Kiều D2 số tiền 5.610.000 đồng.

44. Bà Lương Thị B1 số tiền 82.865.000 đồng.

45. Bà Bùi Thị H3 số tiền 224.660.000 đồng.

Công an tỉnh C đang quản lý 250.000.000 đồng tiền do Nguyễn Thị O nộp, Công an tỉnh C giao lại cho Cơ quan Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau để thi hành

án phần nghĩa vụ dân sự của bị cáo Nguyễn Thị O trong bản án theo quy định của Luật Thi hành án dân sự.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, nếu chậm thi hành án thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Các bị hại gồm Phạm Thị H, Ngô Hồng D, Nguyễn Thị T5, Phan Thu T2, Mai Ngọc T4, Nguyễn Hồng T3, Nguyễn Thị B, Ngô Thị K1, Trần Kim N1, Huỳnh Phương T1, Nguyễn Thị P, Nguyễn Thị T6, Lý Thị D1 mỗi người phải nộp 300.000 đồng; được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo các Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000174, 0000175, 0000176, 0000177, 0000178, 0000179, 0000180, 0000181, 0000182, 0000183, 0000184, 0000185 ngày 01/4/2025; số 0000190 ngày 02/4/2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau (nay là Thi hành án dân sự tỉnh C).

Ông Lê Kim S1 và bà Nguyễn Thị C1 phải nộp 300.000 đồng.

Bà Lương Thị B1 và bà Nguyễn Thị K2 không phải nộp.

5. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao; (1)
- VCT&KSXXPT Viện kiểm sát nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh; (1)
- TAND tỉnh Cà Mau; (2)
- VKSND tỉnh Cà Mau; (1)
- Công an tỉnh Cà Mau; (1)
- Sở Tư pháp tỉnh Cà Mau; (1)
- THADS tỉnh Cà Mau; (1)
- Bị cáo Nguyễn Thị Oanh; (1)
- Các bị hại có kháng cáo; (17)
- Lưu VT (5), HS (2) (Án-Tâm).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Tuyết Trinh